

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 7 năm 2024

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đỗ Thị Ân;
- Bà Phạm Thị Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Mai Minh Thuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2024/TLST- HNGĐ ngày 02/4/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST-DS, ngày 27/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Chánh Chấn P**; sinh năm: 1977; dân tộc: Dao; Nghề nghiệp: Làm ruộng; CCCD số: 002077007412 do **Cục C2** – BCA cấp ngày 17/8/2021; nơi cư trú: **Thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang**. Vắng mặt (đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 11/7/2024).

2. Bị đơn: Bà **Lý Thị E**; sinh năm: 1977; dân tộc: Dao; nơi cư trú: **Thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 02/4/2024, bản tự khai ngày 02/4/2024 và tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 11/7/2024 ông **Chánh Chấn P** trình bày:

Ông **P** và bà **Lý Thị E** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 cho đến ngày 24/6/2002 ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân**

thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì, đến tháng 12 năm 2012 bà E tự ý bỏ đi cho đến nay không có tin tức gì về bà E. Ông P và gia đình hai bên đã tìm kiếm nhiều lần nhưng vẫn không rõ tung tích. Ngày 29/9/2023 Tòa án nhân dân huyện Y đã ban hành Quyết định số 17/2023/QĐST-VDS tuyên bố bà E mất tích. Đến nay ông P muốn ổn định cuộc sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà E.

Về con chung: Ông P xác nhận ông và bà E có 04 con chung là cháu Cháng Thị Đ, sinh ngày 19/6/1997, cháu Cháng Thị T, sinh ngày 20/6/1999, cháu Cháng Thị G, sinh ngày 21/11/2002, cháu Cháng Văn T1, sinh ngày 15/01/2005, các con đều đã trưởng thành nên ông P không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông P xác nhận bà E bỏ đi không để lại tài sản gì, Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Lý Thị E đã bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 17/2023/QĐST-VDS ngày 29/9/2023. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ đối với bà Lý Thị E nhưng bà E không có mặt để tham gia tố tụng.

Tại biên bản xác minh ngày 15/5/2024 đối với bà Lý Thị D – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang cung cấp: Ông Cháng Chấn P và bà Lý Thị E tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/6/2002, quá trình chung sống không rõ ông P và bà E có mâu thuẫn gì không, tuy nhiên đến tháng 12 năm 2012 bà E tự ý bỏ đi khỏi nơi cư trú, đến nay không ai biết tung tích gì về bà E hiện nay ở đâu, làm gì. Quá trình chung sống ông bà có 04 con chung là cháu Cháng Thị Đ, sinh ngày 19/6/1997, cháu Cháng Thị T, sinh ngày 20/6/1999, cháu Cháng Thị G, sinh ngày 21/11/2002, cháu Cháng Văn T1, sinh ngày 15/01/2005. Bà E đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, ông P xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, tại Thông báo thụ lý số 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" là chưa đúng, tuy nhiên tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã xác định lại quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" là đúng theo quy định của pháp luật; Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng cho các đương sự được thực hiện đúng theo quy định của bộ Luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông **Cháng Chín P**, cho ông **P** được ly hôn với bà **Lý Thị E**. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông **Cháng Chín P**.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông **Cháng Chín P** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà **Lý Thị E**, nơi cư trú cuối cùng tại **thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang** là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết vụ án; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về xác định quan hệ tranh chấp: Tại thông báo thụ lý số 11/TB-TLVA ngày 02/4/2024 Tòa án có xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “ly hôn, tranh chấp nuôi con”, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xác định không yêu cầu giải quyết về con chung, do đó Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn”.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Cháng Chín P** và bà **Lý Thị E** có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 24/6/2002 tại **Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang** nên hôn nhân giữa ông **Cháng Chín P** và bà **Lý Thị E** là hợp pháp.

[5] Bị đơn bà **Lý Thị E** đã bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 17/2023/QĐST-VDS ngày 29/9/2023.

[6] Về căn cứ cho ly hôn: Ông **Cháng Chín P** là chồng của bà **Lý Thị E** là người bị Tòa án tuyên bố mất tích xin ly hôn, nên yêu cầu ly hôn với bà **E** của ông **P** là có căn cứ, phù hợp, đúng với quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[7] Về con chung: Ông **P** xác nhận các con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản, công nợ chung: Ông **Cháng Chín P** xác nhận không có, vợ chồng không nợ ai hay ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Ông **Cháng Chín P** là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông **Cháng Chín P** theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông **Cháng Chín P**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông **Cháng Chín P** được ly hôn với bà **Lý Thị E**.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông **Cháng Chín P**.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS H Y;
- UBND thị trấn Y,
huyện Y, tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA****Đoàn Ngọc Vĩnh**